TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2024/HS-ST
Ngày 24- 10 -2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Thuận

2. Bà Ngô Thị Ân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Tuyến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 10 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 67/2024/TLST - HS ngày 06 tháng 09 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2024/QĐXXST - HS ngày 10 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/HSST – QĐ ngày 24/9/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị O; sinh ngày 14 tháng 4 năm 1966; tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn G, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng N; con bà Trần Thị X; Có chồng là Thiều T và có 03 con (con lớn nhất sinh năm 1988, con nhỏ nhất sinh năm 1993); tiền sự: Không; tiền án: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/6/2024 đến ngày 23/6/2024, bị tạm giam kể từ ngày 23/6/2024 đến ngày 18/07/2024, sau đó được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Chị Bùi Thị T, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

- Chị Bùi Thị H, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; .

- Chị Đinh Thị T1, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

- Anh Bùi Văn H1, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Thôn R, xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa;

- Anh Bùi Văn T2, sinh năm: 1998; Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Thanh

Hóa;

- Anh Bùi Minh K, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị O sinh năm 1966, trú tại thôn G, xã H, H và Bùi Thị T sinh năm 1983, trú tại thôn M, xã T, T; Bùi Thị H sinh năm 1984, trú tại thôn D, xã T, T và Đinh Thị T1 sinh năm 1985, trú tại thôn T, xã T, T có mối quan hệ quen biết nhau từ trước. Trong những lần gặp gỡ, trao đổi với nhau, O đã nhiều lần cho Bùi Thị T, Bùi Thị H, Đinh Thị T1 vay tiền với mức lãi suất từ 3.000 đồng/triệu/ngày đến 5.000 đồng/triệu/ngày. Khi cho những người trên vay tiền, O và người vay tiền thống nhất thỏa thuận miệng về mức lãi suất cho vay nên chỉ ghi số tiền cho vay trong giấy vay tiền hoặc hợp đồng vay tài sản mà không ghi mức lãi suất cho vay. Trên cơ sở kết quả điều tra đã xác định được trong quãng thời gian từ tháng 01/2023 đến tháng 9/2023, O đã nhiều lần cho những người trên vay lãi nặng với số tiền, lãi suất cho vay cụ thể như sau:

*** Đối với Bùi Thị T:**

- Ngày 17/01/2023, Nguyễn Thị O cho Bùi Thị T vay số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) với lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với mức lãi suất cho vay là 109,5%, gấp 5,475 lần mức lãi suất tối đa cho phép theo quy định của pháp luật. Sau đó, Bùi Thị T trả tiền lãi hàng tháng cho Nguyễn Thị O đến hết tháng 9/2023 (tức đến ngày 17/9/2023) với tổng số tiền trả lãi là 21.600.000 đồng. Từ ngày 17/9/2023, Bùi Thị T và Nguyễn Thị O thống nhất lại số tiền vay thành khoản vay mới.

+ Số ngày mà bị cáo Nguyễn Thị O cho vay là: 240 ngày.

+ Số tiền lãi tối đa được thu:

$$\frac{30.000.000đ \text{ x } 20\%/\text{năm}}{365} \text{ x } 240$$

= 3.*945.205 đ (ba triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm linh năm đồng)*

+ Số tiền thu lợi bất chính:

3000đ x 240 ngày x 30 - 3.*945.205 đ = 17.654.795 đ (mười bảy triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng)*

+ Số tiền thu lời bất chính thực tế đã thu: *17.654.795 đ (mười bảy triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng)*

- Ngày 21/9/2023, Nguyễn Thị O cho Bùi Thị T vay số tiền 66.000.000 đ (sáu mươi sáu triệu đồng) (khoản vay nay bao gồm khoản vay 30.000.000 đồng vay ngày 17/01/2023 và một số khoản tiền vay nóng khác gộp lại thành khoản vay mới) với lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày. Sau khi vay số tiền nói trên, Bùi Thị T chưa trả tiền lãi cho Nguyễn Thị O. Đến ngày 14/6/2024, Nguyễn Thị O bị Cơ quan CSĐT Công an

huyện T giữ người trong trường hợp khẩn cấp về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

+ Số ngày mà bị cáo Nguyễn Thị O cho vay đến khi bị phát hiện là: 266 ngày (tính ngày đầu, bỏ ngày cuối của thời hạn tính lãi)

+ Số tiền lãi tối đa được thu:

$$\frac{66.000.000đ \text{ x } 20\%/năm}{365} \text{ x } 266$$

= 9.619.726 đ (chín triệu sáu trăm mười chín nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng)

+ Số tiền thu lợi bất chính:

3000đ x 266 ngày x 66 - *9.619.726 đ = 43.048.274 đ (bốn mươi ba triệu không trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi tư đồng)*

+ Số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu: 0 đồng

- Ngày 26/3/2023, Nguyễn Thị O cho Bùi Thị T, Đinh Thị T1 vay số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) với lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, do khoản vay này do Bùi Thị T đứng ra vay và trả lãi nên xác định O cho Bùi Thị T vay. Sau đó, Bùi Thị T trả tiền lãi hàng tháng cho Nguyễn Thị O đến hết tháng 8/2023 (tức hết ngày 26/8/2023) với tổng số tiền trả lãi là 45.000.000 đồng. Từ ngày 26/8/2023, Đinh Thị T1 trả tiền gốc 50.000.000 đ (năm mươi triệu đồng) cho Nguyễn Thị O, số tiền gốc còn lại, Bùi Thị T và Nguyễn Thị O thống nhất lại số tiền vay thành khoản vay mới.

+ Số ngày mà bị cáo Nguyễn Thị O cho vay là: 150 ngày.

+ Số tiền lãi tối đa được thu:

$$\frac{100.000.000đ \text{ x } 20\%/năm}{365} \text{ x } 150$$

= 8.219.178 *đ (tám triệu hai trăm mười chín nghìn một trăm bảy mươi tám đồng)*

+ Số tiền thu lợi bất chính:

3000đ x 150 ngày x 100 - 8.219.178 *đ = 36.780.822 đ (ba mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng)*

+ Số tiền thu lời bất chính thực tế đã thu: *36.780.822 đ (ba mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng)*

- Ngày 26/8/2023, Nguyễn Thị O cho Bùi Thị T vay số tiền 50.000.000 đ (năm mươi triệu đồng) với lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày. Số tiền này chuyển từ số tiền gốc 50.000.000 đồng T đã vay của O cùng với Đinh Thị T1 vào ngày 26/3/2023. Sau khi vay số tiền nói trên, Bùi Thị T chưa trả tiền lãi và tiền gốc cho Nguyễn Thị O. Đến ngày 14/6/2024, Nguyễn Thị O bị Cơ quan CSĐT Công an huyện T giữ người trong trường hợp khẩn cấp về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

+ Số ngày mà bị cáo Nguyễn Thị O cho vay đến khi bị phát hiện là: 292 ngày (tính ngày đầu, bỏ ngày cuối của thời hạn tính lãi)

+ Số tiền lãi tối đa được thu:

$$\frac{\text{50.000.000đ x 20\%/năm}}{365} \text{ x } 292$$

= 8.000.000 đ (tám triệu đồng)

+ Số tiền thu lợi bất chính:

3000đ x 292 ngày x 50 - *8.000.000 đ = 35.800.000 đ (ba mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng)*

+ Số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu: 0 đồng

Như vậy, Bùi Thị T đứng ra vay của Nguyễn Thị O tổng số tiền 246.000.000 đ (hai trăm bốn mươi sáu triệu đồng), trong đó tổng số tiền thực tế bỏ ra là 166.000.000 đồng, số tiền 80.000.000 đồng là số tiền thống nhất cho vay lại và viết thành khoản vay mới, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định của Bộ luật dân sự là *29.784.109 đ (hai mươi chín triệu bảy trăm tám mươi tư nghìn một trăm linh chín đồng)*. Số tiền thu lợi bất chính phải chịu trách nhiệm hình sự là *133.283.891 đ (một trăm ba mươi ba triệu hai trăm tám mươi ba nghìn tám trăm chín mươi mốt đồng)*. Số tiền thu lợi bất chính thực tế mà Nguyễn Thị O đã thu của Bùi Thị T là *54.435.617 đ (năm mươi tư triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười bảy đồng).*

*** Đối với Bùi Thị H:**

- Ngày 12/5/2023, Bùi Thị H đưa Bùi Văn T2 đến để T2 đứng ra viết giấy vay tiền với Nguyễn Thị O. Tuy nhiên thực tế thì sau khi viết giấy vay tiền nhận tiền thì T2 vay tiền hộ cho H sau khi viết giấy vay và nhận vay T2 đưa lại cho H toàn bộ số tiền vay, và H có trách nhiệm trả tiền nợ gốc và tiền nợ lãi cho Nguyễn Thị O, nên xác định khoản vay này là Bùi Thị H vay. Nguyễn Thị O cho Bùi Thị H vay số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) với lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với lãi suất cho vay là 182,5%, gấp 9,125 lần mức tối đa cho phép theo quy định của pháp luật. Sau khi vay số tiền nói trên, Nguyễn Thị O cắt trước 01 tháng tiền lãi với số tiền 30.000.000 đ (ba mươi triệu đồng) cộng vào tiền gốc thành khoản vay mới và thống nhất với nhau từ tháng thứ hai sẽ tính tiền lãi trên số tiền gốc 230.000.000 đồng. Số tiền này Bùi Thị H chưa trả được cho Nguyễn Thị O tiền gốc và tiền lãi.

+ Số ngày mà bị cáo Nguyễn Thị O cho vay là: 30 ngày (tính ngày đầu, bỏ ngày cuối của thời hạn tính lãi) tính trên số tiền gốc 200.000.000 đồng.

+ Số tiền lãi tối đa được thu:

$$\frac{\text{200.000.000đ x 20\%/năm}}{365} \text{ x } 30$$

= 3.287.671 *đ (ba triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi mốt đồng)*

+ Số tiền thu lợi bất chính:

5000đ x 30 ngày x 200 - 3.287.671 = *26.712.329 đ (hai mươi sáu triệu bảy trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng đồng)*

+ Số tiền thu lời bất chính thực tế đã thu: 0 đồng.

+ Số ngày mà bị cáo Nguyễn Thị O cho Bùi Thị H vay là: 367 ngày (tính ngày đầu, bỏ ngày cuối của thời hạn tính lãi) tính từ ngày 12/6/2023 đến ngày phát hiện

ngày 14/6/2024, tính trên số tiền gốc là 230.000.000 đồng.

+ Số tiền lãi tối đa được thu:

$$\frac{230.000.000đ \text{ x } 20\%/năm}{365} \text{ x } 367$$

= 46.252.055 *đ (bốn mươi sáu triệu hai trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi lăm đồng)*

+ Số tiền thu lợi bất chính:

5000đ x 367 ngày x 230 - 46.252.055 *đ = 375.797.945 đ (Ba trăm bảy mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng)*

+ Số tiền thu lời bất chính thực tế đã thu: 0 đồng

- Ngày 28/7/2023, Bùi Thị H và Bùi Minh K viết giấy vay tiền với Nguyễn Thị O nhưng thực tế khoản vay này Bùi Thị H sử dụng và chịu trách nhiệm về khoản vay này. Số tiền vay là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) với lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với mức lãi suất cho vay là 109,5%, gấp 5,475 lần mức lãi suất tối đa cho phép theo quy định của pháp luật. Sau khi vay số tiền nói trên, Bùi Thị H chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho Nguyễn Thị O

+ Số ngày mà bị cáo Nguyễn Thị O cho vay là: 321 ngày (tính ngày đầu, bỏ ngày cuối của thời hạn tính lãi)

+ Số tiền lãi tối đa được thu:

$$\frac{150.000.000đ \text{ x } 20\%/năm}{365} \text{ x } 321$$

= 26.383.561 *đ (hai mươi sáu triệu ba trăm tám mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi mốt nghìn đồng)*

+ Số tiền thu lợi bất chính:

3000đ x 321 ngày x 150 - 26.383.561 *đ = 118.066.439 đ (một trăm mười tám triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi chín đồng)*

+ Số tiền thu lời bất chính thực tế đã thu: 0 đồng

- Ngày 10/8/2023, Bùi Thị H đưa Bùi Văn H1 đến để H1 đứng ra viết giấy vay tiền với Nguyễn Thị O. Tuy nhiên thực tế thì sau khi viết giấy vay tiền nhận tiền thì H1 vay tiền hộ cho H sau khi viết giấy vay và nhận tiền vay H1 đưa lại cho H toàn bộ số tiền vay, và H có trách nhiệm trả tiền nợ gốc và tiền nợ lãi cho Nguyễn Thị O, nên xác định khoản vay này là Nguyễn Thị O cho Bùi Thị H vay số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) với lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày. Sau khi vay số tiền nói trên, Bùi Thị H chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho Nguyễn Thị O

+ Số ngày mà bị cáo Nguyễn Thị O cho vay là: 308 ngày (tính ngày đầu, bỏ ngày cuối của thời hạn tính lãi)

+ Số tiền lãi tối đa được thu:

$$\frac{250.000.000đ \text{ x } 20\%/năm}{365} \text{ x } 308$$

= 42.191.780 *đ (bốn mươi hai triệu một trăm chín mươi mốt nghìn bảy trăm tám mươi đồng)*

+ Số tiền thu lợi bất chính:

3000đ x 308 ngày x 250 - 42.191.780 *đ = 188.808.220 đ (một trăm tám mươi tám triệu tám trăm linh tám nghìn hai trăm hai mươi đồng)*

+ Số tiền thu lời bất chính thực tế đã thu: 0 đồng

Tổng số tiền Nguyễn Thị O cho Bùi Thị H vay trong các khoản vay nói trên là 630.000.000 đ (Sáu trăm ba mươi triệu đồng), trong đó số tiền thực tế bỏ ra cho vay là 600.000.000 đồng, còn 30.000.000 đồng là số tiền lãi chưa thu được nhưng thống nhất cộng gộp vào tiền gốc ngày sau khi cho vay. Số tiền lãi tối đa được thu là *118.115.066 đ (một trăm mười tám triệu một trăm mười lăm nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng)*. Số tiền thu lợi bất chính phải chịu trách nhiệm hình sự là *709.384.933 đ (bảy trăm linh chín triệu ba trăm tám mươi tư nghìn chín trăm ba mươi ba đồng)*. Số tiền thực tế O thu lợi bất chính từ việc cho Bùi Thị H vay tiền là: 0 đồng.

Như vậy, Nguyễn Thị O đã sử dụng tổng số tiền 766.000.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi sáu triệu đồng) để cho vay lãi nặng, có cơ sở xác định số tiền thu lợi bất chính phải chịu trách nhiệm hình sự là 842.668.824 đồng (tám trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm hai mươi bốn đồng). Trong đó, số tiền thu lời bất chính thực tế đã thu được 54.435.617 đ (năm mươi tư triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười bảy đồng).

Ngoài những lần cho người khác vay tiền phải chịu trách nhiệm hình sự, Nguyễn Thị O còn có hành vi cho chị Nguyễn Thị N1 (sinh năm 1974 trú tại thôn Đ, xã H, H, Thanh Hóa), Nguyễn Thị L (sinh năm 1974 trú tại thôn G, xã H, H, Thanh Hóa), Nguyễn Xuân T3 (sinh năm 1991 trú tại số nhà A P, phường L, TP .) vay tiền với lãi suất 2.000 đồng/triệu/ngày. Kết quả điều tra xác định mức lãi suất này chỉ gấp 3,65 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Những lần cho người khác vay tiền này của Nguyễn Thị O không cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 201 – Bộ luật hình sự. Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã chuyển toàn bộ tài liệu có liên quan đến Công an huyện T để tiếp tục xác minh và xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Thị O theo quy định của pháp luật.

Xác minh về điều kiện tài sản, thu nhập của bị cáo xác định bị cáo không có công việc, thu nhập thường xuyên, hiện có tài sản chung với chồng là một ngôi nhà hai tầng được xây dựng trên diện tích đất ở là 137,8 m^2, ngoài ra không có tài sản chung riêng gì đáng kể.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A04S, vỏ màu đen, ốp ngoài bằng nhựa màu nâu, điện thoại cũ đã qua sử dụng;

- 01 (một) mảnh giấy, một mặt có chữ "Phiếu T4", mặt sau có ghi các chữ và số tự nhiên;

- 01 (một) mảnh giấy (tờ lịch), mặt trước có ghi số "17", mặt sau có ghi chữ và các số tự nhiên;

- 01 (một) quyển sổ màu hồng, kích thước (10,6x7,6), bên trong có ghi chữ và các số tự nhiên;

- 01 (một) quyển số màu hồng-xanh, mặt trước ghi chữ "Note book", kích thước (22,4x15,6) cm, bên trong có ghi chữ và số tự nhiên.

- 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 714609 và CB 714610.

- 01 (một) Hợp đồng vay tiền, ngày 28 tháng 7 năm 2023, của Nguyễn Thị O và Bùi Thị H, Bùi Minh K.

- 01 (một) Hợp đồng vay tiền, ngày 12 tháng 5 năm 2023, của Nguyễn Thị O và Bùi Văn T2.

- 05 (năm) mảnh giấy, có các kích thước khác nhau, bên trong có ghi chữ và số tự nhiên.

- 01 (một) két sắt cũ đã qua sử dụng, mặt trước có dòng chữ màu đỏ "NGÂN HÀNG VIỆT NAM", số seri: 22860

Xét thấy không liên quan đến hành vi cho vay lãy nặng trong vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho Nguyễn Thị O 01 (một) két sắt cũ đã qua sử dụng, mặt trước có dòng chữ màu đỏ "NGÂN HÀNG VIỆT NAM", số seri: 22860. Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A04S, vỏ màu đen, ốp ngoài bằng nhựa màu nâu, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Thị O sẽ được chuyển đến kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành bảo quản, chờ xử lý. Đối với các vật chứng còn lại được chuyển kèm theo hồ sơ vụ án theo quy định.

Về bồi thường dân sự: Quá trình điều tra bị cáo chưa trả lại các khoản thu lời bất chính cho những người vay tiền.

Tại bản cáo trạng số 74/CT-VKSTT ngày 06/09/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị O về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo Khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị O phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo Khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 2, khoản 3 Điều 201, Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị O từ 18 đến 21 tháng tù cho hưởng án treo, gian thử thách từ 36 tháng đến 42 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị O số tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng

Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1, Khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 2, Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Về áp dụng biện pháp tư pháp, đề nghị Hội đồng xét xử:

Truy thu số tiền gốc bị cáo dùng cho vay lãi nặng để nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể: Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị O số tiền 50.000.000 đồng; Truy thu từ người

có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị H số tiền 600.000.000 đồng; Truy thu từ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Bùi Thị T số tiền 116.000.000 đồng.

Truy thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay cụ thể: Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị O số tiền 12.164.383 đồng

Buộc bị cáo phải trả lại cho người vay tiền thu lợi bất chính mà các bị cáo thực tế đã thu cụ thể: Buộc bị cáo Nguyễn Thị O phải trả lại cho chị Bùi Thị T số tiền 54.435.617 đ (năm mươi tư triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười bảy đồng).

Bị cáo Nguyễn Thị O đã tự nguyện nộp tiền tạm ứng khắc phục hậu quả trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và nộp ngân sách nhà nước tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành với số tiền 104.000.000 đồng (Một trăm linh bốn triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0001105 ngày 19/9/2024 của chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành. Số tiền này cần được trừ vào số tiền bị cáo phải khắc phục hậu quả trả lại tiền thu lời bất chính cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và tiền tịch thu, truy thu nộp ngân sách nhà nước theo bản án.

Về xử lý vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A04S, vỏ màu đen, ốp ngoài bằng nhựa màu nâu, điện thoại cũ đã qua sử dụng;

Vật chứng đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Đối với 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thu giữ của bị cáo do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên đề nghị trả lại cho bị cáo.

Về biện pháp phong tỏa tài khoản: Đề nghị HĐXX hủy bỏ biện pháp phong tỏa tài khoản sau khi bị cáo Nguyễn Thị O thực hiện xong nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước về khoản tiền nộp tiền phạt bổ sung; Nộp tiền truy thu, tịch thu nộp ngân sách nhà nước và trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tiền thu lời bất chính theo bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Phần tranh tụng tại phiên tòa:

Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi như lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng truy tố và thống nhất với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát không tranh luận gì thêm với đại diện Viện kiểm sát;

Trong lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn Thị O đã hoàn toàn thừa nhận: Xuất phát từ động cơ vụ lợi, muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên trong thời gian từ tháng 01/2023 đến tháng 9/2023, Nguyễn Thị O đã sử dụng tổng số tiền là 766.000.000 đồng cho Bùi Thị T, Đinh Thị T1, Bùi Thị H vay với mức lãi suất từ 3.000 đồng/triệu/ngày đến 5.000 đồng/triệu/ngày gấp từ 5,475 lần đến 9,125 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền Nguyễn Thị O thu lời bất chính phải chịu trách nhiệm hình sự từ việc cho vay tính đến thời điểm cơ quan có thẩm quyền phát hiện và ngăn chặn là 842.668.824 đồng (tám trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm hai mươi bốn đồng). Trong đó, số tiền thu lời bất chính thực tế đã thu được 54.435.617 đ (năm mươi tư triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười bảy đồng). Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Nguyễn Thị O đã phạm vào tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành truy tố bị cáo theo tội danh trên, đề nghị HĐXX áp dụng điều luật là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Đây là vụ án Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự có tính chất ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ mà còn xâm phạm đến lợi ích của công dân được pháp luật bảo vệ. Do vậy, cần có mức hình phạt nghiêm khắc để giáo dục, phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải", "tự nguyện khắc phục hậu quả", "Trong thời gian cư trú tại địa phương bị cáo đã đóng góp cho quỹ phòng, chống dịch C – 19 năm 2021 và ủng hộ, hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, gia đình chính sách, hộ còn khó khăn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và được cấp có thẩm quyền xác nhận". Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Những tình tiết này cần được xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Căn cứ vào tính chất của vụ án, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gây hậu quả không lớn. Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ cải tạo bị cáo thành công dân tốt có ích cho xã hội thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước

[5] Đối với các khoản vay mà Bùi Văn H1, Bùi Văn T2, Bùi Minh K ký giấy vay nợ quá trình điều tra những người liên quan và chị Bùi Thị H đều trình bày các khoản vay này đứng tên vay hộ cho Bùi Thị H, trên thực tế các khoản vay trên H là người nhận tiền gốc và trả tiền lãi. Do đó có đủ căn cứ xác định các khoản vay này là khoản vay của chị Bùi Thị H vay của bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền gốc, bị cáo sử dụng vào mục đích cho vay lãi cao, nhằm hưởng lợi bất chính, là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định:

Tổng số tiền gốc bị cáo Nguyễn Thị O sử dụng cho Bùi Thị T, Đinh Thị T1 và Bùi Thị H vay là 866.000.000 đồng. Trong số tiền này mới có Đinh Thị T1 trả cho Nguyễn Thị O số tiền gốc số tiền 50.000.000 đồng còn Bùi Thị T vẫn còn nợ Nguyễn Thị O tổng số tiền 116.000.000 đồng; Bùi Thị H còn nợ số tiền 600.000.000 đồng. Do đó cần truy thu tiền gốc của bị cáo và tiền gốc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa trả nợ để nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể: Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị O số tiền 50.000.000 đồng; Truy thu từ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị T số tiền 116.000.000 đồng; Truy thu từ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Bùi Thị H số tiền 600.000.000 đồng.

Đối với khoản tiền lãi bị cáo thu vượt quá mức lãi suất tối đa 20%/năm theo quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự mà bị cáo thu thực tế của người vay. Đây là tiền bị cáo thu lãi suất trái pháp luật của người vay nên cần buộc bị cáo phải trả lại cho người vay; Cụ thể Buộc bị cáo Nguyễn Thị O phải trả cho chị Bùi Thị T số tiền 54.435.617 đ (năm mươi tư triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười bảy đồng)

Đối với số tiền lãi các bị cáo thu từ người vay tương ứng với mức lãi suất tối đa theo quy định (20%/năm). Đây là số tiền bị cáo thu được do phạm tội mà có nên cần Truy thu nộp ngân sách nhà nước, cụ thể: Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị O số tiền 12.164.383 đ.

Bị cáo Nguyễn Thị O đã tự nguyện nộp tiền tạm ứng khắc phục hậu quả trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và nộp ngân sách nhà nước tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành với số tiền 104.000.000 đồng (Một trăm linh bốn triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0001105 ngày 19/9/2024 của chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành. Số tiền này cần được trừ vào số tiền bị cáo phải khắc phục

hậu quả trả lại tiền thu lời bất chính cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và tiền tịch thu, truy thu nộp ngân sách nhà nước theo bản án.

[7]. Bị cáo có tài sản là nhà và đất do đó cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung. Đây là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng để thực hiện phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[9]. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 714610 do UBND thị xã B, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 07/10/2016 S vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 02049 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 714609 do UBND thị xã B, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 07/10/2016 Số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 02048 quá trình điều tra thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị O. Giấy tờ này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[10]. Về biện pháp phong tỏa tài khoản: Quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện T đã phong tỏa tài khoản số 105000467736 và tài khoản số 0976546889 tại ngân hàng Thương mại cổ phần C1, chủ tài khoản là Nguyễn Thị O, theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 251/LPT – ĐCSHS ngày 26/6/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện T. Bị cáo Nguyễn Thị O bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền, bị truy thu, tịch thu tiền nộp ngân sách nhà nước và trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền thu lời bất chính. Do đó HĐXX xét thấy để đảm bảo cho việc thi hành án thì sau khi bị cáo Nguyễn Thị O thực hiện xong nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước về khoản tiền nộp tiền phạt bổ sung; Nộp tiền truy thu, tịch thu nộp ngân sách nhà nước và trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tiền thu lời bất chính theo bản án đã có hiệu lực pháp luật thì Biện pháp phong tỏa tài khoản được hủy bỏ là phù hợp.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Căn cứ vào Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị O phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 201, Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị O 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị O cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị O số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

3. Về áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

3.1 Truy thu số tiền gốc bị cáo dùng cho vay lãi cao để nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể:

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị O số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng);

- Truy thu từ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Bùi Thị T số tiền 116.000.000 đồng (Một trăm mười sáu triệu đồng);

- Truy thu từ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Bùi Thị H số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

3.2. Truy thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay cụ thể: Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị O số tiền 12.164.383 đ (Mười hai triệu một trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm tám mươi ba đồng)

3.3. Buộc bị cáo phải trả lại cho người vay tiền số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu cụ thể: Buộc bị cáo Nguyễn Thị O phải trả lại cho chị Bùi Thị T số tiền 54.435.617 đ (năm mươi tư triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười bảy đồng).

Bị cáo Nguyễn Thị O đã nộp tiền tạm ứng khắc phục hậu quả trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và nộp ngân sách nhà nước tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành với số tiền 104.000.000 đồng (Một trăm linh bốn triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0001105 ngày 19/9/2024 của chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành. Số tiền này được trừ vào số tiền bị cáo phải khắc phục hậu quả trả lại tiền thu lời bất chính cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và tiền tịch thu, truy thu nộp ngân sách nhà nước theo bản án.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A04S, vỏ màu đen, ốp ngoài bằng nhựa màu nâu, điện thoại cũ đã qua sử dụng. Chiếc điện thoại được đựng trong 01 phong bì dán kín, niêm phong có chữ

ký ghi rõ họ tên của Mai Xuân Đ, Trịnh Quang V và 02 hình dấu giáp lai của V1 - Bộ C2.

Vật chứng trên hiện đang bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19/09/2024 giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

5. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị O:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 714610 do UBND thị xã B, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 07/10/2016 Số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 02049.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 714609 do UBND thị xã B, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 07/10/2016 Số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 02048.

6. Về biện pháp phong tỏa tài khoản: Sau khi bị cáo Nguyễn Thị O thực hiện xong nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước về khoản tiền nộp tiền phạt bổ sung; Nộp tiền truy thu, tịch thu nộp ngân sách nhà nước và trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tiền thu lời bất chính theo bản án đã có hiệu lực pháp luật thì Biện pháp phong tỏa tài khoản được hủy bỏ. Tài khoản đang bị phong tỏa là tài khoản số 105000467736 và tài khoản số 0976546889 tại ngân hàng Thương mại cổ phần C1, chủ tài khoản là Nguyễn Thị O (Theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 251/LPT – ĐCSHS ngày 26/6/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện T).

7. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị O phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Công an huyện Thạch Thành;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Hải